

Số: 02/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố L, ngày 29 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH L

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2024/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình L hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Chị Ngô Thị L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Bản Mới, xã S, thành phố L, tỉnh L.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Châu Bạc, xã Cộng Hòa, huyện V, tỉnh Nam Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 21 tháng 10 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn T trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện L hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn T là vợ chồng hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 20/3/2021 của UBND xã S, thành phố L, tỉnh L. Đến nay chị L và anh Thành đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình L hôn và thực sự tự nguyện L hôn, nên Tòa án chấp nhận.

[2] Chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn T đã thỏa thuận được với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình L hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình L hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn T.

- Về việc nuôi con: Chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn T có 01 con chung tên là cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 15/01/2022. Chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn T thỏa thuận như sau:

Chị Ngô Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 15/01/2022, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Thị L và anh Phạm Văn T đã thỏa thuận anh Thành có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Hoàng K, sinh ngày 15/01/2022 với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 10/11/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi L hôn và không ai được cản trở anh Thành thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án, anh Thành chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về chia tài sản: **chị** Ngô Thị L và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về lệ phí: **chị** Ngô Thị L và anh Phạm Văn T thỏa thuận chị L là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận chị Ngô Thị L đã nộp đủ số tiền lệ phí **việc Hôn nhân và gia đình** sơ thẩm theo biên lai số 0001014 ngày 09/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã S, TP L;
- TAND tỉnh L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THA dân sự TP L;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nga

